

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 440/2023/DS-PT

Ngày: 17-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định ngừng phiên tòa số 27/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 612/TB-TA ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim A, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hữu D (T), sinh năm 1977; (xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T1 (L), sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1: Ông Trần Thanh T2, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Châu Thị Hồng T3, sinh năm 1992; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn bà Ngô Thị Kim A và đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quang V thống nhất trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên bà Kim A có cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu D (tên gọi khác là T) và bà Nguyễn Thị T1 (tên gọi khác là L) vay tiền và bán thức ăn, thuốc thú y chăn nuôi heo cụ thể như sau:

Ngày 15/01/2016, vợ chồng T, L vay của bà Kim A số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hạn 03 tháng trả lại số tiền vay. Mục đích vay để vợ chồng T, L bắt heo con về nuôi. Hai bên có lập biên nhận bà L ký tên và ghi họ tên là “*Nguyễn Thị T1*”.

Đồng thời, khoảng từ ngày 26/11/2016 đến ngày 04/3/2017, bà Kim A có bán thức ăn, thuốc thú y chăn nuôi heo cho vợ chồng T, L nhiều lần, tổng cộng vợ chồng T, L nợ bà Kim A số tiền là 90.940.000 đồng. Bà L ký tên “*L*” xác nhận vào sổ nợ, hạn đến khi bán heo sẽ thanh toán số tiền đã vay và mua bán thức ăn gia súc cho bà Kim A nhưng sau đó vợ chồng T, L lại giao đàn heo cho em bà L là bà Châu Thị Hồng T3 và tránh mặt mà không trả cho bà Kim A khoản tiền nào nên khi bà T3 bán heo bà Kim A đã ngăn cản thì bà T3 cam kết sau khi bán được đàn heo số tiền còn lại sẽ trả cho bà Kim A thay cho vợ chồng T, L.

Sau đó, bà T3 đã trả cho bà Kim A được số tiền 8.420.000 đồng nên vợ chồng Tuấn L1 còn nợ lại bà Kim A số tiền 132.520.000 đồng cho đến nay.

Vì lý do trên, bà Kim A yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Hữu D (T) và bà Nguyễn Thị T4 (L1) trả cho bà Kim A số tiền vốn vay và mua bán là 132.520.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm hai chục nghìn đồng);

- Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn ông Nguyễn Hữu D và Nguyễn Thị T1 (Nguyễn Thị Mỹ L2) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Hồng T3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 209/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 430, 433, 440, 463, 466, 469 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim A.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1 (Nguyễn Thị Mỹ L2) và ông Nguyễn Hữu D phải trả cho bà Ngô Thị Kim A số tiền 132.520.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng). Trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/10/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Hữu D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết cho bà T1 trả một mình số tiền 77.000.000 đồng cho bà Kim A, xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 77.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà Thu giữ y yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bà T1, ông D không có căn cứ, vì số nợ đã được phía bà T1 ký xác nhận, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T1 và ông D để phát triển kinh tế gia đình nên cả hai phải có trách nhiệm trả, đối với việc xin trả dần 5.000.000 đồng phía nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ xem xét, vì đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D và bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Hữu D còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản*” và thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu D và bà Châu Thị Hồng T3 xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt những người này theo luật định.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà A thì thấy rằng khoản nợ vay 50.000.000 đồng và nợ thức ăn chăn nuôi số tiền 90.940.000 đồng bà T1 đều có lập biên nhận và xác nhận nợ, khi xét xử sơ thẩm phía bị đơn vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm bà T1, ông D thừa nhận khoản nợ vay, không thừa nhận biên nhận nợ thức ăn gia súc và yêu cầu giám định đối với giấy xác nhận nợ. Theo kết luận giám định số 1022/KL- KTHS(Đ2) ngày 26/7/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T xác định giấy xác nhận nợ mà bà A làm căn cứ khởi kiện đòi 90.940.000 đồng là do bà T1 ký ra. Như vậy việc bà A kiện đòi ông D, bà T1 trả số tiền 132.520.000 đồng là có căn cứ, cấp sơ thẩm buộc trả số nợ này là phù hợp.

Về trách nhiệm trả nợ: Bà T1, ông D là vợ chồng, các phần nợ này có trong thời kỳ hôn nhân, vì mục đích phát triển kinh tế cho gia đình, nên cả hai phải cùng có trách nhiệm thanh toán, cấp sơ thẩm buộc ông D, bà T1 trả 132.520.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về việc bị đơn xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, tại phiên tòa phía nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Phía bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới để xem xét, cấp sơ thẩm xét xử là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Điều 294 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 (Nguyễn Thị Mỹ L2) và ông Nguyễn Hữu D (T).

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 209/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 430, 433, 440, 463, 466, 469 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim A.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 (Nguyễn Thị Mỹ L2) và ông Nguyễn Hữu D (T) phải trả cho bà Ngô Thị Kim A số tiền 132.520.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T1 (Nguyễn Thị Mỹ L2) và ông Nguyễn Hữu D (T) chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 (Nguyễn Thị Mỹ L2) và ông Nguyễn Hữu D (T) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà T1 và ông D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0028209 ngày 03/11/2022 (Châu Thị Hồng T3 nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang nên không phải nộp thêm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng